

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-ST

Ngày: 28 – 9 – 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật

2. Ông Lam Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Trụ sở chính: số xyz, THĐ, phường C, quận K, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm SD - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc K - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng Phòng giao dịch Long Mỹ chi nhánh Hậu Giang (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2021).

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979

2. Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1977

Cùng cư trú tại: Ấp L, xã T, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Ngọc K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B trình bày:

Ngày 20/02/2020, anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Kim T có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ với Ngân hàng các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202000314 (gọi tắt là hợp đồng số 01) với số tiền 50.000.000đ. Mục đích vay: Trồng lúa, nuôi heo. Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 21/02/2020 đến hết ngày 19/02/2021. Lãi suất cho vay là 12%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ quá hạn. Phương thức thanh toán là trả gốc cuối kỳ, trả lãi 03 tháng 01 lần.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202000315 (gọi tắt là hợp đồng số 02) với số tiền 50.000.000đ. Mục đích vay: Tiêu dùng. Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 21/02/2020 đến hết ngày 19/02/2021. Lãi suất cho vay là 15.5%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ quá hạn. Phương thức thanh toán là gốc cuối kỳ, trả lãi 03 tháng 01 lần.

Với 02 hợp đồng vay này không có thế chấp bằng tài sản nhưng anh Nguyễn Thanh T có ký gửi cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01908, CS01911 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 23/01/2018 cho ông Nguyễn Thanh T đứng tên; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01910 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 09/01/2018 cho ông Nguyễn Thanh T đứng tên.

Đối với hợp đồng số 01 anh T, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay đúng theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc cũng như tiền lãi, khoản vay đã quá hạn từ ngày 20/02/2021.

Đối với hợp đồng số 02 anh T, chị T đã trả 1.698.983đ tiền gốc và trả hết các khoản nợ lãi trong hạn, hiện còn nợ số tiền gốc là 48.301.017đ và lãi quá hạn, khoản vay đã quá hạn từ ngày 20/02/2021.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu anh T, chị T phải trả các khoản tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng đến ngày 28/9/2021 là 112.045.748đ, cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng số 01: Tiền vốn gốc 50.000.000đ, lãi trong hạn 1.495.890đ, lãi quá hạn 5.449.315đ.

- Đối với hợp đồng số 02: Tiền gốc 48.301.017đ, lãi quá hạn 6.799.526đ.

Đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên tổng số nợ gốc cho đến khi anh T, chị T thanh toán dứt nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh và vợ là chị Nguyễn Kim T có ký kết 02 hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng B vào năm 2020. Trong thời gian thực hiện hợp đồng thì anh chị có trả lãi đúng hạn. Thời gian gần đây do công việc làm ăn không được thuận lợi, nên không trả được tiền gốc cũng như khoản tiền lãi cho Ngân hàng. Nay anh đề nghị Ngân hàng cho đáo hạn, trường hợp không đáo hạn được thì anh cũng đồng ý trả lãi quá hạn nhưng yêu cầu được trả dần cho đến khi hết nợ vì không có khả năng thanh toán 01 lần.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Kim T trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Kim T đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ; qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Kim T có ký kết với Ngân hàng B các hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202000314, HDTD803202000315 vào ngày 20/02/2020. Theo hai hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho số tiền vay vốn cho anh T và chị T là 100.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, anh T và chị T không trả lãi cũng như vốn gốc đúng hạn theo thỏa thuận cho phía Ngân hàng, khoản vay này đã quá hạn từ ngày 20/02/2021. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo khoản nợ đến hạn, nợ quá hạn cũng như làm việc trực tiếp với anh T và chị T, nhưng anh chị vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã thừa nhận còn nợ các khoản vay như phía Ngân hàng trình bày là đúng, nhưng xin được đáo hạn hoặc trả dần vì hiện tại gia đình chưa có khả năng thanh toán cho Ngân hàng.

[3.2]. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Anh T, chị T đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc anh T, chị T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh T, chị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 112.045.748đ. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu anh T, chị T trả số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận xem xét.

[3.3]. Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng, xét thấy: Theo hợp đồng tín dụng số 01 thì thỏa thuận mức lãi suất trong hạn 12%/năm, hợp đồng tín dụng số 02 là 15,5%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ quá hạn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không vi phạm pháp luật nên việc Ngân hàng yêu cầu anh T, chị T phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh T và chị T còn nợ Ngân hàng số tiền của hợp đồng số 01: vốn gốc 50.000.000đ, lãi trong hạn 1.495.890đ, lãi quá hạn 5.449.315đ; hợp đồng số 02: vốn gốc 48.301.017đ, lãi quá hạn 6.799.526đ.

[3.4]. Vì vậy, có cơ sở buộc anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Kim T phải trả cho Ngân hàng B số vay còn nợ của 02 hợp đồng tổng cộng 112.045.748đ; trong đó, vốn gốc 98.301.017đ, lãi trong hạn 1.495.890đ, lãi quá hạn 12.248.841đ.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Kim T phải chịu 5.602.287đ án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Kim T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay còn nợ của 02 hợp đồng tổng cộng 112.045.748đ (một trăm mười hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng). Trong đó, hợp đồng số 01: vốn gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn 1.495.890đ (một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng), lãi quá hạn 5.449.315đ (năm triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng); hợp đồng số 02: gốc 48.301.017đ (bốn mươi tám triệu ba trăm lẻ một nghìn không trăm mười bảy đồng), lãi quá hạn 6.799.526đ (sáu triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Kim T phải chịu 5.602.287đ (năm triệu sáu trăm lẻ hai nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại 2.562.000đ (hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu tiền số 0006809 lập ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thừa